

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích
thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 187/TTr-SNN ngày 19/01/2018 và Văn bản số 532/SNN-CCTL ngày 06/3/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2018, bãi bỏ mức thu thủy lợi phí đối với đất trồng lúa; trồng rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *lg*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

35

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH
H. CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

QUY ĐỊNH

Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2018/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi do Nhà nước và Nhân dân đầu tư trên địa bàn tỉnh Tây Ninh cho mục đích sản xuất nông nghiệp.

Chương II

MỨC GIÁ CỤ THỂ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI

Điều 3. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa

1. Tưới tiêu bằng động lực: 1.329.000 đồng/ha/vụ.

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tưới tiêu bằng động lực: 797.000 đồng/ha/vụ;

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu thì mức giá bằng 50% mức giá tưới tiêu bằng động lực: 664.000 đồng/ha/vụ;

c) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá như sau:

Mức giá tưới bằng 70% mức giá tưới tiêu bằng động lực: 930.000 đồng/ha/vụ;

Mức giá tiêu bằng 30% mức giá tưới tiêu bằng động lực: 399.000 đồng/ha/vụ.

2. Tưới tiêu bằng trọng lực: 930.000 đồng/ha/vụ.

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tưới tiêu bằng trọng lực: 558.000 đồng/ha/vụ;

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu thì mức giá bằng 40% mức giá tưới tiêu bằng trọng lực: 372.000 đồng/ha/vụ;

c) Trường hợp chỉ lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá bằng 70% mức giá tưới tiêu bằng trọng lực: 651.000 đồng/ha/vụ;

d) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá như sau:

Mức giá tưới bằng 70% mức giá tưới tiêu bằng trọng lực: 651.000 đồng/ha/vụ;

Mức giá tiêu bằng 30% mức giá tưới tiêu bằng trọng lực: 279.000 đồng/ha/vụ.

Điều 4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với diện tích trồng mạ, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày

Mức giá bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

Điều 5. Điều kiện áp dụng để tính giá

1. Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh được tính ở vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của tổ chức hợp tác dùng nước đến hạ lưu cống đầu kênh cấp I của hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng.

2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt diện tích, biện pháp tưới, tiêu do đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh tổng hợp trên cơ sở xác nhận của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất việc phục vụ tưới, tiêu của các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, tổng hợp kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm của đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Kiểm tra báo cáo tài chính của đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Kiểm tra, rà soát diện tích và xác nhận diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trong bảng kê do đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi lập.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân phối hợp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi các huyện, thành phố quản lý thực hiện việc tưới, tiêu đảm bảo chất lượng, kịp thời vụ.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Xác nhận diện tích tưới, tiêu nước, biện pháp tưới, tiêu nước được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào bản đồ giải thửa, hình thức cấp nước, tưới nước, tiêu nước, hợp đồng cấp nước, tưới nước, tiêu nước giữa đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi với các Hộ dùng nước (bao gồm: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước, giám đốc trạm trại thí nghiệm, giám đốc nông trường hoặc ký trực tiếp với các hộ gia đình, cá nhân) để lập bảng kê đối tượng và diện tích đất được tưới nước, tiêu nước.

2. Ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tưới, tiêu, cấp nước với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi trên địa bàn được giao quản lý; báo cáo chất lượng dịch vụ theo các nội dung hợp đồng đã ký kết.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu, đối tượng và diện tích tưới, tiêu nước được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

4. Quản lý và sử dụng tiền thu được từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Mức thu thủy lợi phí đối với đất trồng lúa; trồng rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 thì được áp dụng giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định này.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / *lg*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KI. CHỦ TỊCH
ĐI. CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng
Dương Văn Thắng